

*
Số 151-KH/HU

KẾ HOẠCH

**quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024
của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo
và chuyển đổi số quốc gia**

Căn cứ Hướng dẫn số 140-HD/BTGTU ngày 21/01/2025 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về việc quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW); Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng Kế hoạch quán triệt, tuyên truyền, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Giúp cấp ủy, tổ chức đảng các cấp trong huyện lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; nâng cao nhận thức và tạo sự thống nhất trong toàn Đảng bộ và hệ thống chính trị, sự đồng thuận trong Nhân dân về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Việc quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW phải được tiến hành kịp thời, khẩn trương, nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả; chú trọng đổi mới nội dung, hình thức quán triệt phù hợp với thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện.

II. NỘI DUNG QUÁN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN

Các cấp ủy, tổ chức đảng, các địa phương, cơ quan, đơn vị trong huyện chỉ đạo tổ chức quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, trong đó tập trung vào một số nội dung sau:

1. Nội dung quán triệt

1.1. Về quan điểm chỉ đạo

- Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

- Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân

đổi mới phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Xác định đây là cuộc cách mạng sâu sắc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực; được triển khai quyết liệt, kiên trì, đồng bộ, nhất quán, lâu dài với những giải pháp đột phá, mang tính cách mạng. Người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, nguồn lực, động lực chính; nhà khoa học là nhân tố then chốt; Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Thể chế, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ chiến lược là những nội dung trọng tâm, cốt lõi, trong đó thể chế là điều kiện tiên quyết, cần hoàn thiện và đi trước một bước. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật bảo đảm yêu cầu quản lý và khuyến khích đổi mới sáng tạo, loại bỏ tư duy “không quản được thì cấm”. Chú trọng bảo đảm nguồn nhân lực trình độ cao cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; có cơ chế, chính sách đặc biệt về nhân tài. Phát triển hạ tầng, nhất là hạ tầng số, công nghệ số trên nguyên tắc “hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí”; làm giàu, khai thác tối đa tiềm năng của dữ liệu, đưa dữ liệu thành tư liệu sản xuất chính, thúc đẩy phát triển nhanh cơ sở dữ liệu lớn, công nghiệp dữ liệu, kinh tế dữ liệu.

- Phát triển nhanh và bền vững, từng bước tự chủ về công nghệ, nhất là công nghệ chiến lược; ưu tiên nguồn lực quốc gia đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phát huy tối đa tiềm năng, trí tuệ Việt Nam gắn với nhanh chóng tiếp thu, hấp thụ, làm chủ và ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến của thế giới; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chú trọng nghiên cứu cơ bản, tiến tới tự chủ và cạnh tranh về công nghệ ở một số lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu, tiềm năng, lợi thế.

- Bảo đảm chủ quyền quốc gia trên không gian mạng; bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin của tổ chức và cá nhân là yêu cầu xuyên suốt, không thể tách rời trong quá trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

1.2. Về mục tiêu

- Đến năm 2030:

+ Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng, thuộc nhóm dẫn đầu trong các nước có thu nhập trung bình cao; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức trên trung bình của thế giới; một số lĩnh vực khoa học, công nghệ đạt trình độ quốc tế. Việt Nam thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu Đông Nam Á, nhóm 50 nước đứng đầu thế giới về năng lực cạnh tranh số và chỉ số phát triển Chính phủ điện tử; nhóm 3 nước dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo, trung tâm phát triển một số ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ số mà Việt Nam có lợi thế. Tới thiểu có 5 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến.

+ Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 55%; tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu đạt tối thiểu 50%. Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GDP. Tỉ lệ sử dụng

dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%; giao dịch không dùng tiền mặt đạt 80%. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người Việt Nam, đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,7.

+ Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm hơn 60%; bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và tăng dần theo yêu cầu phát triển. Hệ thống tổ chức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được sắp xếp lại bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - đào tạo. Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 12 người trên một vạn dân; có từ 40 - 50 tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới; số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình 10%/năm; số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 16 - 18%/năm, tỉ lệ khai thác thương mại đạt 8 - 10%.

+ Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng ngang tầm các nước tiên tiến; từng bước làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano, thông tin di động 5G, 6G, thông tin vệ tinh và một số công nghệ mới nổi. Phủ sóng 5G toàn quốc. Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh đối với các thành phố trực thuộc Trung ương và một số tỉnh, thành phố có đủ điều kiện. Thu hút thêm ít nhất 3 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam.

+ Quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số, hình thành sàn giao dịch dữ liệu. Phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hóa số đạt mức cao của thế giới. Việt Nam thuộc nhóm các nước dẫn đầu về an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu.

- Tầm nhìn đến năm 2045:

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc, góp phần đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao. Việt Nam có quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GDP; là một trong các trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực và thế giới; thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu thế giới về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số tương đương các nước phát triển; tối thiểu có 10 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến. Thu hút thêm ít nhất 5 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam.

1.3. Về nhiệm vụ, giải pháp

Các cấp ủy, tổ chức đảng từ tỉnh đến cơ sở căn cứ vào nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW và chức năng, nhiệm vụ, tình hình cụ thể của địa phương, cơ quan, đơn

vị, chỉ đạo quán triệt, tuyên truyền, thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp sau:

(1) Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

(2) Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

(3) Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

(4) Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

(5) Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh.

(6) Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

(7) Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Công tác tuyên truyền

- Các cấp ủy, tổ chức đảng chỉ đạo việc tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW và quá trình triển khai thực hiện trên các phương tiện truyền thông bằng các hình thức phù hợp.

- Các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Huyện ủy xây dựng kế hoạch và tổ chức quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW ở địa phương, đơn vị. Tập trung làm rõ các quan điểm chỉ đạo, những nhiệm vụ, giải pháp thực hiện mục tiêu đã được xác định trong Nghị quyết số 57-NQ/TW, bảo đảm phù hợp với tình hình ở địa phương, cơ quan, đơn vị. Chủ động nắm chắc và dự báo tình hình tư tưởng, tâm trạng xã hội; kịp thời tham mưu, đề xuất giải pháp giúp cấp ủy chỉ đạo, thông tin, tuyên truyền, định hướng dư luận xã hội trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Các cơ quan thông tin, tuyên truyền từ huyện đến cơ sở đẩy mạnh tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW, nêu bật ý nghĩa, tầm quan trọng của đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia - điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất để nước ta phát triển giàu mạnh trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

III. HÌNH THỨC, THỜI GIAN, ĐỐI TƯỢNG

1. Hình thức: Thông qua hội nghị cán bộ chủ chốt, các lớp học tập, quán triệt; các hình thức khác phù hợp với thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Đối tượng: Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên chưa tham gia Hội nghị do Ban Bí thư tổ chức; các thành phần khác do thường trực cấp ủy và lãnh đạo các cơ quan, đơn vị quyết định.

3. Thời gian: Trong Quý I năm 2025.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN


1. Các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Huyện ủy, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội huyện, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trong huyện: Xây dựng kế hoạch quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Ban Tuyên giáo Huyện ủy theo dõi, đôn đốc việc quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy theo quy định./.

Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy (để báo cáo),
- Mặt trận và các hội, đoàn thể chính trị - xã hội huyện,
- Phòng Văn hóa & Thông tin huyện,
- Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao huyện,
- Các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Huyện ủy,
- Ban Tuyên giáo Huyện ủy,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ



Nguyễn Đình Thuận